

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 4 - 2024

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:*** Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2023/TLST-DS ngày 21/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 05/03/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 29/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Văn Thị Thanh V**, sinh năm 1959; địa chỉ: **Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**; có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà **Trần Thị H** (tên gọi khác: **Trần Thị H1**); địa chỉ: **Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**; vắng mặt.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Phạm Văn H2**; địa chỉ: **thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của của nguyên đơn bà **Văn Thị Thanh V** trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:*

Vào ngày 15/4/2018 bà **Văn Thị Thanh V** cho bà **Trần Thị H** vay số tiền 235.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng, bà **H** có xác nhận nội dung vay tiền; hẹn ngày 30/12/2018 sẽ trả tiền gốc và lãi cho bà **V**, bà **V** ghi nội dung hẹn trả vào giấy vay tiền nhưng không có chữ ký xác nhận của bà **H**. Mục đích cho vay để bà **H** mua đất rẫy và lo chi phí cho con đi xuất khẩu lao động. Đến hạn trả nợ bà **V** đã đòi nhiều lần thì bà **H** trả được số tiền lãi 46.000.000 đồng (Trả lãi đến hết năm 2019), số tiền nợ gốc bà **H** không trả cho bà **V**. Ngày

08/12/2023 bà **V** đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil buộc bà **H** phải trả cho bà **V** số tiền nợ gốc 235.000.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày 08/11/2023 là 12 tháng x 0,83%/tháng = 23.400.000 đồng và tiếp tục trả lãi suất cho đến khi trả nợ xong, khấu trừ đi số tiền lãi bà **V** đã nhận là 46.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **V** thay đổi yêu cầu trả lãi, bà **V** xác định ông **H2**, bà **H** đã trả lãi hết năm 2019 nên yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Buộc ông **Phạm Văn H2** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bà **H**.

Đối với bị đơn bà **Trần Thị H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn H2**: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật và đã triệu tập họp lệ nhiều lần, đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn bà **Trần Thị H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn H2** không đến tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không hòa giải được.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà **Văn Thị Thanh V** đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn bà **Trần Thị H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn H2** không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại Tòa án nhiều lần nhưng không có lý do mặc dù đã được triệu tập họp lệ, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **Trần Thị H** và ông **Phạm Văn H2** phải trả cho bà **Văn Thị Thanh V** số tiền nợ gốc 235.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị buộc bà **H**, ông **H2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà **Văn Thị Thanh V** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Trần Thị H** (Tên gọi khác: **Trần Thị H1**) trả số tiền nợ gốc 235.000.000 đồng là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 470

của Bộ luật dân sự. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà **Trần Thị Hoàng** cư t tại **thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xét xử vắng mặt bị đơn bà **Trần Thị H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn H2** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **H**, ông **H2** là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc giấy vay tiền đề ngày 15/4/2018 có chữ ký xác nhận **Trần Thị H**, nội dung thể hiện ngày 15/4/2018 bà **H** có vay của bà **V** số tiền 235.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2018 nhưng không có chữ ký xác nhận của bà **H**. Bà **V** trình bày khi vay tiền giữa bà **V** và bà **H** có thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng, tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất. Thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại **Điều 470** của Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến hạn ngày 30/12/2018, bà **H** không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự:

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

*“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Do đó yêu cầu của bà **Văn Thị Thanh V** buộc bà **Trần Thị H** phải trả số tiền nợ gốc 235.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà **Văn Thị Thanh V**, mặc dù trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng bà **V** trình bày các bên thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Ông **H2**, bà **H** không đưa ra chứng cứ, không phản đối nên HĐXX công nhận trình bày của bà **V** đây là hợp đồng vay tiền có lãi, mức lãi suất 1%/tháng phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu trả tiền lãi của bà **V** có căn cứ để chấp nhận. Bà **V** thừa nhận bà **H**, ông **H2** đã trả lãi đến hết năm 2019 được 46.000.000 đồng, không có chứng cứ chứng minh nhưng phù hợp với thời gian vay, lãi suất, có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận. Do đó, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử với số tiền 235.000.000 đồng x 51 tháng 21 ngày x 1%/tháng = 121.495.000 đồng. Như vậy tổng số tiền cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là 235.000.000 đồng + 121.495.000 đồng = 356.495.000 đồng.

[3]. Xét nghĩa vụ trả nợ của ông **Phạm Văn H2** là chồng của bà **Trần Thị H**: Ông **H2** không tham gia ký kết hợp đồng vay tài sản nhưng bà **H** vay tiền của bà **V** để mua rẫy, lo cho con đi xuất khẩu lao động, điều này thể hiện việc ông **H2** có biết việc bà **H** vay tiền của bà **V** và không phản đối, ông **H2** là người trả tiền lãi cho bà **V** nên cần buộc ông **H2** cùng liên đới với bà **H** trả toàn bộ số tiền nợ cho

bà **V** là phù hợp quy định tại các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Văn Thị Thanh V** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do đó không phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa về nợ gốc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận; đối với đề nghị tính tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Văn Thị Thanh V**: Buộc bà **Trần Thị H** và ông **Phạm Văn H2** phải trả cho bà **Văn Thị Thanh V** tổng số tiền 356.495.000 đồng, trong đó nợ gốc 235.000.000 đồng; nợ lãi 121.495.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí: Buộc bà **Trần Thị H** và ông **Phạm Văn H2** phải nộp số tiền 17.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

**Phan Thị Trúc Linh**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA